

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên Gói thầu: Gói thầu 1: Mua sắm xe ô tô 7 chỗ phục vụ công tác chung UBND Phường Tây Tựu.

- Tổng mức đầu tư: 1.110.763.400 đồng (*Một tỷ, một trăm mười triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, bốn trăm đồng./.*).

- Chủ đầu tư: Văn phòng HĐND và UBND Phường Tây Tựu.

- Nguồn vốn: Nguồn mục tiêu Thành phố và nguồn vốn hợp pháp khác của phường.

- Địa điểm, quy mô dự án:

+ Địa điểm: Văn phòng HĐND và UBND Phường Tây Tựu; Địa chỉ: 132 đường Cầu Diễn - Phường Tây Tựu - Thành phố Hà Nội.

+ Quy mô dự án: Mua sắm xe ô tô 7 chỗ phục vụ công tác chung UBND Phường Tây Tựu.

- Các thông tin khác (nếu có). Không có.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

Nhà thầu phải đáp ứng các yêu cầu sau:

- Yêu cầu về chất lượng: Hàng hóa thuộc gói thầu phải mới 100%, chưa qua sử dụng và có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, được sản xuất từ năm 2025 trở về đây, đảm bảo đủ điều kiện lưu thông trên thị trường Việt Nam, đã bao gồm đầy đủ các vật tư, phụ kiện và dịch vụ kỹ thuật kèm theo ... Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo yêu cầu E-HSMT.

- Hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng: ký mã hiệu, chủng loại, model, hãng sản xuất, nước sản xuất.

- Nhà thầu phải cung cấp catalogue hoặc tài liệu kỹ thuật liên quan (hình ảnh) (có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt), ghi rõ các tính năng, thông số kỹ thuật để chứng minh tính đáp ứng về các thông số kỹ thuật của các hàng hóa theo yêu cầu của E-HSMT.

- Nhà thầu cam kết cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng: Bản gốc (có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt).

- Nhà thầu phải vận chuyển; bàn giao đến địa điểm cơ quan, đơn vị sử dụng; lắp đặt hoàn chỉnh, vận hành theo yêu cầu của Chủ đầu tư; hướng dẫn sử dụng. Toàn bộ chi phí liên quan do nhà thầu chi trả.

- Nghiệm thu bàn giao:

+ Công việc chỉ được coi là hoàn thành khi hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

+ Mọi thủ tục nghiệm thu bàn giao được thực hiện theo đúng quy định của Pháp luật.

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

Nhà thầu tham gia dự thầu phải chào đúng và đủ chủng loại, khối lượng hàng hoá nêu tại Bảng Phạm vi cung cấp hàng hóa.

- Nhà thầu phải có bảng tuyên bố đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo mẫu sau:

TT	Tên hàng hóa	Ký mã hiệu/ Nhãn mác sản phẩm, Tên nhà sản xuất, Xuất xứ	Yêu cầu kỹ thuật theo E-HSMT	Thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng, đặc tính kỹ thuật chào thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	6
1					<i>Trang ... của Catalog ... thuộc E-HSDT</i>
...					<i>Trang ... của Catalog ... thuộc E-HSDT</i>
n					<i>Trang ... của Catalog ... thuộc E-HSDT</i>

Ghi chú:

- *Cột 1, 2, 4: Nhà thầu ghi thông tin theo yêu cầu của E-HSMT;*
- *Cột 3, 5: Nhà thầu ghi các thông tin của hàng hóa dự thầu;*
- *Cột 6: Nhà thầu tham chiếu tài liệu cung cấp chứng minh cho các thông tin kê khai đính kèm khi nộp E-HSDT.*

Dưới đây là yêu cầu kỹ thuật tối thiểu. Nhà thầu phải chào đáp ứng yêu cầu tối thiểu, nếu bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng yêu cầu kỹ thuật để minh họa các yêu cầu chất lượng, yêu cầu kỹ thuật. Nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện

cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng "tương đương" hoặc "ưu việt hơn" so với các yêu cầu tối thiểu.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

STT	Yêu cầu về kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Xe ô tô 07 chỗ	Xe	01
	<p>I. THÔNG TIN CHUNG</p> <p>1. Số chỗ - Số chỗ: 7</p> <p>2. Kiểu dáng - Kiểu dáng: Đa dụng (SUV hoặc tương đương).</p> <p>3. Nhiên liệu - Nhiên liệu: Xăng</p> <p>4. Màu xe - Đen</p> <p>5. Kích thước tổng thể (D x R x C) (mm) - Kích thước tổng thể (D x R x C) (mm): 4755 x 1850 x 1790</p> <p>6. Khoảng sáng gầm xe (mm) - Khoảng sáng gầm xe (mm): ≥ 167</p> <p>7. Chiều dài cơ sở (mm) - Chiều dài cơ sở (mm): ≥ 2850</p> <p>8. Bán kính vòng quay tối thiểu (mm) - Bán kính vòng quay tối thiểu (mm): $\leq 5,67$</p> <p>9. Dung tích bình nhiên liệu (L) - Dung tích bình nhiên liệu (L): ≥ 52</p> <p>II. ĐỘNG CƠ & KHUNG XE</p> <p>1. Động cơ - Loại động cơ: Xăng, tối thiểu đạt Euro 5 - Bố trí xy lanh: Thẳng hàng - Dung tích xy lanh (cc): ≥ 1987 - Hệ thống nhiên liệu: Phun xăng điện tử - Công suất tối đa (kW (HP)/vòng/phút): $\geq 112 (150)/6000$ - Mô men xoắn tối đa (Nm/vòng/phút): $\geq 188/4400-5200$ - Số xy lanh: 4</p> <p>2. Các chế độ lái - Các chế độ lái: Công suất cao/Tiết kiệm nhiên liệu/Bình thường</p> <p>3. Hệ thống truyền động - Hệ thống truyền động: Dẫn động cầu trước</p> <p>4. Hộp số - Hộp số: Số tự động vô cấp</p> <p>5. Hệ thống treo (Trước/Sau) - Hệ thống treo (Trước/Sau): Mc Pherson/Torsion Beam hoặc công nghệ tương đương.</p> <p>6. Vành & lốp xe</p>		

<p>- Vành & lốp xe: 225/50R18 hoặc tương đương về tổng đường kính và khả năng chịu tải.</p> <p>4. Phanh (Trước/Sau)</p> <p>- Phanh (Trước/Sau): Đĩa/Đĩa</p> <p>8. Tiêu chuẩn khí thải</p> <p>- Tiêu chuẩn khí thải: Tối thiểu Euro 5</p> <p>9. Tiêu thụ nhiên liệu (L/100km)</p> <p>- Ngoài đô thị: $\leq 5,26$</p> <p>- Kết hợp: $\leq 4,92$</p> <p>- Trong đô thị: $\leq 4,35$</p> <p>10. Dung tích xy lanh</p> <p>- Dung tích xy lanh: ≥ 1987 cc</p> <p>III. NGOẠI THẤT</p> <p>1. Cụm đèn trước</p> <p>- Đèn chiếu gần: LED</p> <p>- Đèn chiếu xa: LED</p> <p>- Tự động Bật/Tắt: Có</p> <p>- Hệ thống cân bằng góc chiếu: Chỉnh tay hoặc chỉnh điện</p> <p>- Chế độ đèn chờ dẫn đường: Có</p> <p>- Đèn chiếu sáng ban ngày: Có</p> <p>2. Cụm đèn sau</p> <p>- Cụm đèn sau: LED</p> <p>3. Đèn báo phanh trên cao (Đèn phanh thứ ba)</p> <p>- Đèn báo phanh trên cao (Đèn phanh thứ ba): LED</p> <p>4. Đèn sương mù</p> <p>- Đèn sương mù: LED</p> <p>5. Gương chiếu hậu ngoài</p> <p>- Chức năng điều chỉnh điện: Có</p> <p>- Chức năng gập điện: Có</p> <p>- Tích hợp đèn báo rẽ: Có</p> <p>- Tích hợp đèn chào mừng: Có</p> <p>6. Gạt mưa</p> <p>- Trước: Gián đoạn, điều chỉnh thời gian hoặc hệ thống cảm biến mưa.</p> <p>- Sau: Có (Gián đoạn)</p> <p>7. Chức năng sấy kính sau</p> <p>- Chức năng sấy kính sau: Có</p> <p>IV. NỘI THẤT</p> <p>1. Tay lái</p> <p>- Loại tay lái: 3 chấu</p> <p>- Chất liệu: Da</p> <p>- Điều chỉnh: Chỉnh tay 4 hướng</p> <p>- Lẫy chuyên số: Có</p> <p>2. Gương chiếu hậu trong</p> <p>- Gương chiếu hậu trong: Chống chói tự động</p> <p>3. Màn hình hiển thị đa thông tin</p> <p>- Màn hình hiển thị đa thông tin: TFT (hoặc công nghệ tương đương), ≥ 7 inch</p>		
---	--	--

<p>4. Cửa sổ trời - Cửa sổ trời: Cửa sổ toàn cảnh</p> <p>V. GHẾ</p> <p>1. Chất liệu bọc ghế - Chất liệu bọc ghế: Da</p> <p>2. Ghế trước - Điều chỉnh ghế lái: Chỉnh điện 8 hướng - Điều chỉnh ghế hành khách: Chỉnh cơ (hoặc chỉnh điện) 4 hướng</p> <p>3. Ghế sau - Hàng ghế thứ hai: Ghế thương gia chỉnh điện 4 hướng, có đệm chân chỉnh điện 2 hướng, tựa tay - Hàng ghế thứ ba: Gập 50:50 - Tựa tay hàng ghế hai: Có</p> <p>VI. TIỆN ÍCH</p> <p>1. Hệ thống điều hòa - Hệ thống điều hòa: Tự động</p> <p>2. Cửa gió sau - Cửa gió sau: Có</p> <p>3. Hệ thống âm thanh - Màn hình giải trí: Màn hình cảm ứng ≥ 10.1 inch - Số loa: ≥ 6 - Kết nối điện thoại thông minh không dây: Có</p> <p>4. Chìa khóa thông minh & khởi động bằng nút bấm - Chìa khóa thông minh & khởi động bằng nút bấm: Có</p> <p>5. Phanh tay điện tử và giữ phanh tự động - Phanh tay điện tử và giữ phanh tự động: Có</p> <p>6. Cửa sổ điều chỉnh điện - Cửa sổ điều chỉnh điện: Có, một chạm, chống kẹt tất cả các cửa</p> <p>7. Cốp điều khiển điện - Cốp điều khiển điện: Có</p> <p>8. Ga tự động - Ga tự động: Có</p> <p>VII. AN NINH/HỆ THỐNG CHỐNG TRỘM</p> <p>1. Hệ thống báo động - Hệ thống báo động: Có</p> <p>2. Hệ thống mã hóa khóa động cơ - Hệ thống mã hóa khóa động cơ: Có</p> <p>VIII. AN TOÀN CHỦ ĐỘNG</p> <p>1. Hệ thống an toàn - Cảnh báo tiền va chạm (PCS): Có hoặc tương đương. - Cảnh báo chệch làn đường (LDA): Có hoặc tương đương. - Hỗ trợ giữ làn đường (LTA): Có hoặc tương đương. - Điều khiển hành trình chủ động (DRCC): Có hoặc tương đương. - Đền chiếu xa tự động (AHB): Có hoặc tương đương.</p> <p>2. Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS)</p>		
---	--	--

<p>- Hệ thống chống bó cứng phanh (ABS): Có</p> <p>3. Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp (BA)</p> <p>- Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp (BA): Có</p> <p>4. Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD)</p> <p>- Hệ thống phân phối lực phanh điện tử (EBD): Có</p> <p>5. Hệ thống cân bằng điện tử (VSC)</p> <p>- Hệ thống cân bằng điện tử (VSC): Có</p> <p>6. Hệ thống kiểm soát lực kéo (TRC)</p> <p>- Hệ thống kiểm soát lực kéo (TRC): Có</p> <p>7. Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HAC)</p> <p>- Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc (HAC): Có</p> <p>8. Hệ thống cảnh báo điểm mù (BSM)</p> <p>- Hệ thống cảnh báo điểm mù (BSM): Có</p> <p>9. Đèn báo phanh khẩn cấp (EBS)</p> <p>- Đèn báo phanh khẩn cấp (EBS): Có</p> <p>10. Hệ thống theo dõi áp suất lốp (TPMS)</p> <p>- Hệ thống theo dõi áp suất lốp (TPMS): Có</p> <p>11. Camera toàn cảnh (PVM)</p> <p>- Camera toàn cảnh (PVM): Có</p> <p>12. Cảm biến hỗ trợ đỗ xe</p> <p>- Cảm biến hỗ trợ đỗ xe: ≥ 8</p> <p>13. Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA)</p> <p>- Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau (RCTA): Có hoặc tương đương</p> <p>IX. AN TOÀN BỊ ĐỘNG</p> <p>1. Túi khí</p> <p>- Túi khí người lái & hành khách phía trước: Có</p> <p>- Túi khí rèm: Có</p> <p>- Túi khí bên hông phía trước: Có</p> <p>X. CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH</p> <p>1. Thời gian và điều kiện bảo hành: Tuân theo quy định về bảo hành của nhà sản xuất, thời gian bảo hành cho xe là 60 tháng hoặc 150.000km (tùy theo điều kiện nào đến trước), được thực hiện tại tất cả các Đại lý và Trạm dịch vụ ủy quyền của nhà sản xuất/Đại diện hợp pháp của Nhà sản xuất trên toàn quốc, được ghi cụ thể trong Phiếu bảo hành kèm theo xe.</p> <p>2. Phụ tùng kèm theo: 01 lốp dự phòng (kèm theo La zăng); 01 sách hướng dẫn sử dụng bằng Tiếng Việt; 01 quay kích; 01 sổ bảo hành; 01 dụng cụ mở bánh xe; 01 Bộ chia khóa (chính và dự phòng).</p>		
--	--	--

Ghi chú:

- Nhãn hiệu, mã hiệu hàng hóa nêu trong E-HSMT (nếu có) chỉ mang tính tham khảo và minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa, không phải tiêu chuẩn đánh giá, nhà thầu có thể dự thầu hàng hóa của hãng khác. Trường hợp nhà thầu dự thầu có nhãn hiệu khác so với E-HSMT thì nhà thầu phải đảm bảo hàng hóa dự

thầu có đặc tính kỹ thuật có tính năng sử dụng **tương đương hoặc tốt hơn** với các hàng hóa yêu cầu.

- **Kích thước và cân nặng** chỉ để tham khảo không phải là tiêu chí trượt kỹ thuật;

- “**Tương đương**” có nghĩa là đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các hàng hóa đã nêu trên.

1.3. Các yêu cầu khác

- Yêu cầu về cung cấp hàng hoá:

+ Nhà thầu có các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa phù hợp với tiến độ chung;

+ Phương án cung cấp hàng hoá hợp lý, khả thi;

+ Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình cung cấp hàng hoá;

+ Công tác quản lý cung cấp hàng hoá có hệ thống, chặt chẽ, thống nhất phù hợp với tiến độ thi công nghiệm thu hiện hành.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Chủ đầu tư sẽ phối hợp cùng nhà thầu kiểm tra hàng hóa tại nơi giao hàng, kiểm tra dựa trên thông số kỹ thuật và các tính năng kèm theo xe.

Trường hợp hàng hóa không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Việc thực hiện kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa của Chủ đầu tư không dẫn đến miễn trừ nghĩa vụ bảo hành hay các nghĩa vụ khác theo hợp đồng của Nhà thầu.